

# CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO: BƯỚC TIẾN TỚI MỘT THẾ GIỚI MỞ CỬA HƠN

Daniel T. Griswold<sup>(1)</sup>

## Tóm lược chung

Kể từ khi củng cố quyền xúc tiến thương mại vào năm 2002, chính quyền Bush đã thực hiện một chiến dịch mạnh mẽ nhằm đàm phán các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và khu vực. Chính quyền Bush đã ký kết FTA với Singapore và Chile, và hiện đang đàm phán để ký kết hiệp định với Australia, Morocco, Bahrain, và các quốc gia trong khu vực thị trường chung Trung Mỹ và Liên minh thuế quan Nam Phi.

Không một nước nào trong số những nước kể trên đứng trong hàng ngũ 10 đối tác thương mại chủ yếu của Mỹ, nhưng xét một cách tổng quát thì các FTA dự kiến sẽ chiếm một phần lớn thương mại Mỹ. Tất cả các nước ký kết FTA với Mỹ cộng lại sẽ tạo thành nền kinh tế lớn thứ 9 trên thế giới và sẽ trở thành đối tác thương mại lớn thứ 6 của Mỹ.

Các FTA đã chệch khỏi nguyên tắc không phân biệt đối xử đa phương, và chúng có thể khiến thương mại từ có hiệu quả sang kém hiệu quả hơn nhưng lại ủng hộ các nhà sản xuất hàng nhập khẩu. Nhưng trong những điều kiện đúng đắn, các FTA này có thể tạo ra những sự cạnh tranh mới trong nền kinh tế Mỹ như hạ thấp giá thành cho người tiêu dùng và làm cho các yếu tố sản xuất được sử dụng hiệu quả hơn,

trong khi đó lại tạo một sân chơi bình đẳng cho các nhà xuất khẩu Mỹ.

Các FTA tạo ra sự cạnh tranh nội khối để duy trì các cuộc đàm phán đa phương. Nếu các thành viên của WTO trở nên không khoan nhượng, Mỹ sẽ phải chấp nhận việc “liên kết thiện chí” trong đàm phán nhằm thúc đẩy tự do hoá thương mại. Các FTA có thể thúc đẩy hội nhập khu vực và mở đường trong các lĩnh vực khó khăn để có thể đàm phán sâu rộng hơn trong tương lai. Là một công cụ trong chính sách đối ngoại, các FTA có thể củng cố mối liên kết với các nước đồng minh và khuyến khích các nước tiếp tục quá trình cải tổ chính trị và kinh tế.

Để tối đa hoá lợi ích từ các FTA, chính quyền cần phải ký hiệp định với các nước có thể tạo ra cạnh tranh nhờ nhập khẩu trong thị trường nội địa cũng như cơ hội xuất khẩu ra nước ngoài, và với những nước đi đầu về cải cách ở các khu vực trên thế giới, nơi cần có các mô hình cải cách thành công. Đánh giá theo những tiêu chí đó thì các FTA mà chính quyền Bush dự định ký kết rất đáng theo đuổi.

## Giới thiệu

Kể từ khi thông qua quyền xúc tiến thương mại lần cuối cùng vào năm 2002, chính quyền Bush đã tiến hành một chiến dịch mạnh mẽ nhằm đàm phán các FTA song phương và khu

vực. Tháng 5 và tháng 6 năm 2003, Mỹ ký lần lượt FTA với Singapore và Chile. Quốc hội có thể biểu quyết về các Hiệp định này vào cuối mùa hè hoặc đầu mùa thu 2003.

Trong khi đó, chính quyền Mỹ đã bắt đầu thương lượng với Australia, Morocco, Bahrain, 5 nước thuộc khối Thị trường chung Trung Mỹ gồm có Guatemala, Honduras, El Salvador, Nicaragua, và Costa Rica, và 5 nước thuộc Liên minh thuế quan Nam Phi, bao gồm Nam Phi, Botswana, Namibia, Lesotho, và Swaziland. Từ năm 1994 các cuộc thương lượng với 33 nước thuộc Tây Bán cầu để tiến tới xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Châu Mỹ bắt đầu khởi động. Ngày 9 tháng 5, Tổng thống Bush đề nghị "thành lập khu vực mậu dịch tự do Mỹ - Trung Đông trong vòng một thập kỷ, nhằm tạo cho Trung Đông nhiều cơ hội mở rộng hơn, và đem lại hy vọng cho người dân sống ở khu vực này". Cùng với Morocco và Bahrain, Hy Lạp cũng có thể ghi tên vào danh sách những đối tác tiềm năng sẽ ký kết FTA. Các đối tác tiềm năng ký kết FTA khác do Quốc hội đề xuất bao gồm Đài Loan, New Zealand, và Anh.

Các FTA đang hoặc đã được đàm phán này chắc chắn sẽ châm ngòi cho những cuộc tranh cãi thường lệ về thương mại tự do và thương mại bình đẳng, tiêu chuẩn môi trường và điều kiện lao động ở các nước nghèo, việc làm và tiền lương ở Mỹ, và các vấn đề khác tất yếu sẽ xuất hiện xung quanh bất cứ một FTA nào nếu được đưa ra trước Quốc hội. Tuy nhiên các FTA song phương và khu vực cũng làm nảy sinh các vấn đề đặc biệt về chính sách, kinh tế và phi kinh tế vẫn thường bị bỏ qua khi chúng được đem ra bàn luận và bỏ phiếu.

Ngay cả đối với những người ủng hộ mở rộng thương mại, không phải tất cả các FTA song phương và khu vực dự định đều là chính sách kinh tế hay. Mặc dù có tên là Hiệp định thương mại tự do nhưng không phải lúc nào chúng cũng thúc đẩy thương mại hay làm cho các bên tham gia hiệp định hoặc các nước khác trên thế giới khấm khá hơn. Ngoài những mơ hồ về kinh tế trong các FTA thì còn có cả một loạt các vấn đề chiến lược và chính sách đối ngoại quan trọng cần phải cân nhắc.

Không một nước nào trong số những nước Mỹ đang đàm phán ký kết hiệp định nằm trong số 10 đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ, song các FTA hợp lại sẽ chiếm phần lớn tỷ phần thương mại của Mỹ. Nếu kết hợp lại thì Singapore, Chile, Australia, Morocco, Bahrain, Khối thị trường chung Trung Mỹ và Liên minh thuế quan Nam Phi có tổng số dân là 157 triệu dân và sản lượng kinh tế hàng năm tính theo sức mua ngang giá là 1,4 nghìn tỷ đô la. Nhóm các đối tác ký kết FTA này sẽ tạo thành một nền kinh tế lớn thứ 9 của thế giới. Các nước này có thể trở thành nguồn cung cấp hàng nhập khẩu lớn thứ 7 và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Mỹ - kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ năm 2002 của các nước này là 42 tỷ đô la và kim ngạch nhập khẩu hàng Mỹ là 45 tỷ đô la. Xét trên khía cạnh thương mại hai chiều, nhóm các nước này sẽ là đối tác thương mại lớn thứ 6 của Mỹ, chỉ sau Canada, Mexico, Nhật Bản, Trung Quốc, và Đức. Do vậy, việc xóa bỏ các rào cản thương mại đối với nhiều người, sẽ là một bước đi tích cực trong chính sách thương mại của Mỹ.

Nhìn chung, các hiệp định song phương và khu vực mà chính quyền

Bush đề xuất sẽ thúc đẩy lợi ích quốc gia. Nếu được áp dụng một cách khéo léo, những hiệp định này sẽ củng cố nền kinh tế Mỹ bằng cách tạo thêm cạnh tranh hàng nhập khẩu vào thị trường nội địa và mở rộng thị trường nước ngoài đối với các nhà xuất khẩu Mỹ. Quan trọng hơn nữa, các hiệp định này sẽ khuyến khích đổi mới kinh tế ở các nước khác và thắt chặt thêm mối quan hệ kinh tế cũng như chính sách đối ngoại giữa Mỹ và các nước đồng minh quan trọng.

### **Những đặc điểm của FTA**

Đối với bất kỳ ai ủng hộ thương mại tự do thì việc ủng hộ các FTA thoạt tiên có vẻ như là chuyện hoàn toàn hiển nhiên. Trên lý thuyết, các FTA sẽ làm giảm các rào cản đối với thương mại giữa các bên tham gia ký kết, và việc giảm hoặc xoá bỏ các rào cản là mục đích của toàn bộ quá trình tự do hoá thương mại. Tuy nhiên, các FTA song phương và khu vực lại làm nổi lên những vấn đề pháp lý và kinh tế cần phải giải quyết.

### **Chênh hướng khỏi thương mại đa phương**

Các FTA là một trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc pháp lý cơ bản về không phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế. Điều III trong Hiến chương cơ bản của WTO (Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) năm 1947 và được sửa đổi thành Hiệp định của vòng đàm phán Uruguay năm 1994) tuyên bố một nguyên tắc cơ bản rằng việc tiếp cận thị trường phải được dành cho tất cả các thành viên theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN), hay nguyên tắc không phân biệt đối xử. Cụ thể là "bất cứ lợi thế ưu đãi, đặc quyền hay

quyền được miễn do các bên tham gia ký kết dành cho bất kỳ một sản phẩm xuất xứ tại (hoặc đến) một nước nào khác sẽ được chấp thuận ngay lập tức và vô điều kiện cho các sản phẩm tương tự có nguồn gốc từ (hoặc đến) lãnh thổ của tất cả các bên tham gia ký kết thoả thuận".

Tất nhiên, các FTA hoàn toàn chệch khỏi nguyên tắc này. Các hiệp định này dành lợi thế (thuế suất thấp hơn hoặc bằng không) cho các bên tham gia ký kết hiệp định, mà không dành cho các thành viên khác của WTO không phải là bên tham gia ký kết hiệp định. Nhưng các FTA và liên minh thuế quan, nếu được áp dụng đúng đắn, sẽ phù hợp với các quy định của GATT.

Khi GATT lần đầu tiên được ký kết năm 1947, các thành viên sáng lập của tổ chức này đã tạo một ngoại lệ cho các khu vực tự do thương mại. Điều XXIV của GATT cho phép thành lập các liên minh thuế quan hoặc các FTA giữa các nước thành viên, công nhận "nhu cầu tăng cường tự do thương mại để phát triển của các nước tham gia ký kết hiệp định, thông qua các hiệp định tự nguyện, hội nhập sâu hơn giữa các nền kinh tế của các nước thành viên của hiệp định. Các FTA như vậy được cho phép với điều kiện: (1) chúng không tạo thêm rào cản thương mại cho các thành viên WTO không tham gia hiệp định, (2) xoá bỏ "thuế và các quy định hạn chế thương mại" đối với "tất cả thương mại giữa các lãnh thổ thành viên... đối với các sản phẩm có xuất xứ từ các lãnh thổ đó", và (3) thực hiện các bước đi trên "trong khoảng thời gian hợp lý". Điều XXIV có thể bị bãi bỏ nếu có 2/3 số phiếu biểu quyết thuận của các thành viên WTO.

Ngoại lệ điển hình nhất của điều XXIV là trường hợp Liên minh Châu

Âu được thành lập vào những năm 1950 với 6 thành viên của Cộng đồng kinh tế Châu Âu. Các FTA hoặc liên minh thuế quan khác được biết đến giữa các thành viên WTO là Hiệp hội thương mại tự do Châu Âu, Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ, Khối thị trường chung phía Nam, Khu vực mậu dịch tự do của Hiệp hội các nước Đông Nam Á, và Thị trường chung Đông và Nam Phi.

Trên thực tế, các FTA giữa các thành viên WTO đang trở nên phổ biến. Hiện nay có hơn 150 hiệp định có hiệu lực và xu hướng này ngày càng được thúc đẩy trong thập kỷ qua. Trong 46 năm hoạt động của GATT, từ năm 1948 đến năm 1994, có 124 FTA được ký kết (nhiều hiệp định trong số này đã hết hiệu lực), trung bình có khoảng 2,7 hiệp định được ký kết 1 năm. Kể từ năm 1995, WTO cho biết đã có 130 hiệp định như vậy, trung bình là hơn 15 hiệp định được ký kết 1 năm. Hiện nay có khoảng 43% thương mại quốc tế được thực hiện thông qua các hiệp định, và tỷ lệ này có thể sẽ lên tới 55% nếu các hiệp định đang trong quá trình đàm phán tiếp tục được ban hành. Như vậy, các FTA là thực tế hợp pháp của đời sống thương mại quốc tế. Ngày càng có nhiều thành viên WTO lựa chọn việc đàm phán ký kết FTA. Vấn đề đặt ra cho chính sách thương mại của Mỹ là nên hay không nên tham gia vào xu hướng này.

### *Sự lộn xộn kinh tế từ các FTA*

Khía cạnh kinh tế của các FTA không được rõ ràng như khía cạnh pháp lý. Mặc dù trên lý thuyết thì các FTA làm giảm rào cản thương mại giữa các nước tham gia, nhưng không phải chúng đều đem lại lợi ích kinh tế cho tất cả các bên tham gia cũng như cho tất cả các nước trên thế giới.

Các nhà kinh tế học đã nghiên cứu vấn đề này từ năm 1950, khi Jacob Viner công bố nghiên cứu sơ bộ của ông mang tên "Vấn đề liên minh thuế quan". Viner lưu ý rằng các liên minh thuế quan có thể thúc đẩy thương mại giữa các thành viên, nhưng các liên minh này cũng có thể chuyển hướng thương mại khỏi tay các nhà sản xuất hiệu quả nằm bên ngoài hiệp định.

Nếu được ký kết với một nhà sản xuất nước ngoài có chi phí thấp, hiệp định có thể "tạo ra thương mại" bằng việc cho phép nhà sản xuất này thâm nhập vào thị trường nội địa mà không phải chịu thuế, giảm giá hàng hoá trong nước, và thay thế các nhà sản xuất trong nước có chi phí cao hơn. Nhưng nếu được ký kết với một nhà sản xuất nước ngoài có chi phí tương đối cao thì hiệp định sẽ chuyển hướng thương mại bằng việc cho phép các nhà nhập khẩu có chi phí cao hơn thay thế các nhà nhập khẩu nước ngoài có chi phí thấp hơn đơn giản chỉ vì các nhà sản xuất, đối tác của FTA có thể nhập khẩu miễn thuế. Viner kết luận rằng, các liên minh thuế quan có thể đem lại nhiều lợi ích hơn là thiệt hại kinh tế khi "chúng được ký kết giữa các nước lớn đang bảo hộ đáng kể cho các ngành công nghiệp tương tự (đang cạnh tranh) với nhau".

Để thúc đẩy thương mại một cách tối đa, các FTA cần phải buông lỏng cạnh tranh thực sự ở các thị trường được bảo hộ trước đây. Xét trên khía cạnh cạnh kinh tế, mục đích chính và lợi ích cơ bản của thương mại quốc tế là mở rộng cạnh tranh trong nền kinh tế nội địa và mở rộng thị trường ra nước ngoài cho các nhà sản xuất trong nước. Cạnh tranh nhập khẩu tăng lên sẽ làm giảm giá cả cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp, tăng thêm sự lựa chọn các mặt hàng, chất lượng tốt hơn. Bằng cách khuyến khích sản

xuất hiệu quả hơn, cạnh tranh nhập khẩu tăng năng suất lao động của công nhân, tiền lương, mức sống, và tăng trưởng kinh tế lâu dài.

Nếu một FTA không làm giảm giá cả cho nước nhập khẩu mà chỉ đơn thuần chuyển đổi nhập khẩu từ các nước khác trên thế giới sang các đối tác ký kết FTA thì nước nhập khẩu sẽ có thể gánh chịu thiệt hại phúc lợi: Chính phủ thất thu thuế, nhưng người tiêu dùng nước đó lại không được hưởng mức giá thấp hơn. Trên thực tế, ngân sách nước nhập khẩu lại trợ cấp cho sản xuất kém hiệu quả tại nước đối tác. Nếu giá cả bên ngoài phạm vi FTA giảm do chuyển hướng nhu cầu thì các nước khác trên thế giới sẽ chịu thiệt bởi vì mất đi thặng dư của nhà sản xuất.

Để tối thiểu sự chuyển hướng thương mại, các FTA thành công nhất cho phép một nhà sản xuất lớn, có sức cạnh tranh nước ngoài thay thế các nhà sản xuất nội địa trong một thị trường lớn và được bảo hộ, do đó giảm giá thành và tăng thu nhập thực tế cho người lao động và các hộ gia đình. Các FTA tồi nhất cho phép các nhà sản xuất nước ngoài có sức cạnh tranh thấp hơn thay thế các nhà sản xuất nước ngoài có sức cạnh tranh lớn hơn trong một thị trường nội địa lớn và được bảo hộ, làm thất thu thuế cho ngân sách mà không làm giảm giá trong nước hay làm cho sản xuất trong nước hiệu quả hơn.

Các nhà kinh tế học ủng hộ thương mại tự do tranh luận với nhau về vấn đề liệu sự kiến tạo thương mại hay sự thúc đẩy thương mại có chiếm ưu thế hơn trong các FTA. Việc giải quyết mâu thuẫn đó vượt ra khỏi phạm vi bài viết này. Nhưng chúng ta cũng biết rằng ảnh hưởng là hỗn hợp và rằng ảnh hưởng kinh tế ngắn hạn và không đổi của một FTA chỉ là một yếu

tố trong việc quyết định liệu một FTA có phải là một chính sách tốt hay không. Khả năng có thể dẫn tới việc chuyển hướng thương mại không phải là một lý do đáng để chính quyền Bush từ bỏ chính sách theo đuổi các FTA.

### **FTA thúc đẩy tự do hoá thương mại như thế nào**

Thậm chí nếu xảy ra chuyển hướng thương mại thì các FTA cũng có thể tăng cường mục tiêu mở rộng thị trường tự do, quyền tự do cá nhân, và hợp tác hoà bình hơn giữa các quốc gia. Bên cạnh những ảnh hưởng kinh tế ngắn hạn, các FTA có thể làm tăng lợi ích của Mỹ bằng một số cách sau.

#### **1. Van an toàn cho hệ thống đa phương**

*Thứ nhất*, các FTA tự do tạo một van an toàn quan trọng nếu các cuộc thương lượng đa phương trở nên bế tắc. Các cuộc thương lượng thông qua GATT, và hiện tại là WTO có thể kéo dài, luẩn quẩn và không rõ ràng. Kể từ khi vòng đàm phán Kennedy kết thúc vào năm 1967, chỉ có hai hiệp định đa phương toàn diện đi đến kết quả - Hiệp định của vòng đàm phán Tokyo năm 1979 và Hiệp định của vòng đàm phán Uruguay năm 1994.

Để đưa ra một viễn cảnh hợp lý, chính phủ Pháp có thể ngăn trở sự hoàn tất Thoả thuận vòng đàm phán Doha bởi mục tiêu tự do hoá trong thương mại nông nghiệp đã có từ lâu. Các nhà thương thuyết đã bỏ lỡ thời hạn thoả thuận sơ bộ về nông nghiệp vào ngày 31 tháng 3 năm 2003, và mọi người còn nghi ngờ về chuyện vòng đàm phán sẽ kết thúc vào năm 2005 như đã thống nhất trong thoả thuận ở vòng đàm phán đầu tiên năm 2001. Nên nhớ rằng Vòng đàm phán Uruguay hầu như bị sa lầy trong chủ đề nông nghiệp. Với lịch sử của các

cuộc thương lượng đa phương như vậy, chúng ta không nên đặt toàn bộ hy vọng vào vòng đàm phán Doha.

Các FTA tạo sự cạnh tranh nội khối để giữ cho các cuộc đàm phán đa phương đi đúng chủ đề. Nếu các thành viên khác của WTO trở nên không khoan nhượng, Mỹ sẽ lựa chọn theo đuổi việc ký kết các hiệp định với "sự liên kết thiện chí" để đạt tới tự do hoá thương mại. Đàm phán các FTA, hay ít nhất là vẫn duy trì ý định như vậy, có thể bày tỏ dấu hiệu cho các thành viên khác của WTO thấy rằng nếu họ không thiện chí thương lượng một cách nghiêm túc để giảm các rào cản thương mại, Mỹ sẽ tìm các đối tác khác sẵn sàng đàm phán song phương và khu vực. Các thành viên WTO, gồm cả Mỹ, có thể ký các FTA bên ngoài quá trình đa phương, có thể quy tụ ý chí của các nhà thương thuyết để tiến tới thoả thuận.

Không ai lo ngại rằng các FTA chệch khỏi hướng đi đa phương. Vì hầu hết các thành viên WTO theo đuổi các FTA song phương và khu vực đều không từ bỏ cam kết đàm phán đa phương của họ. Chính phủ Mỹ đã ký kết hiệp định với Israel, Canada, và Mexico trong Vòng đàm phán Uruguay từ năm 1986 tới năm 1994 mà không giảm đi các cam kết thương lượng đa phương cuối cùng. Và cũng không có bằng chứng nào chứng tỏ việc chính quyền Bush vì theo đuổi ký kết các FTA mà lại sao lãng Vòng đàm phán Doha của WTO. Thực tế thì Đại diện thương mại Mỹ Robert Zoellick đã đi đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ tại vòng đàm phán Doha với các cam kết tự do hoá thương mại trong sản xuất hàng hoá, nông sản và dịch vụ.

## **2. Một sân chơi bình đẳng cho các nhà xuất khẩu Mỹ**

*Thứ hai*, các FTA có thể tạo một sân chơi bình đẳng cho các nhà xuất khẩu

Mỹ vốn đã chịu nhiều bất lợi bởi các FTA không có Mỹ tham gia. Mỹ chỉ tham gia 3 trong tổng số 150 FTA có hiệu lực gần đây - NAFTA và FTA song phương với Israel và Jordani. Mặc dù các nhà sản xuất Mỹ có lẽ là những nhà sản xuất hiệu quả nhất thế giới trong một số lĩnh vực nhưng các nhà xuất khẩu Mỹ không thể chiến thắng được những lợi thế của các đối thủ nước ngoài được bởi họ có thể xuất khẩu tới nước đã ký kết FTA với chính phủ họ mà không phải chịu thuế.

Chẳng hạn, tại Chile, các nhà xuất khẩu Mỹ phải chịu mức thuế suất chung là 6%. Trong khi cũng tại thị trường này, các nhà xuất khẩu cạnh tranh tại Liên minh Châu Âu, Canada, và Brazil lại bán hàng hoá miễn thuế bởi vì chính phủ của họ đã ký FTA với Chile. Theo Hiệp hội các nhà sản xuất quốc gia, các nhà xuất khẩu Mỹ đã mất thị phần tại Chile vì từ năm 1997 chính phủ nước này bắt đầu theo đuổi việc ký kết FTA với các đối tác thương mại khác. Đặc biệt, các nhà xuất khẩu bột mì, đậu tương, ngô, sản phẩm giấy, nhựa, phân bón, sơn và thuốc nhuộm, thiết bị sưởi và xây dựng của Mỹ là những người chịu thiệt thòi nhất. Trên tất cả các lĩnh vực, các nhà xuất khẩu Mỹ đều bị mất thị phần đáng kể do chưa có FTA tự do Mỹ - Chile.

## **3. Cải cách thể chế hoá ở nước ngoài**

*Thứ ba*, các FTA có thể giúp các nước kém phát triển có thể tham gia và thể chế hoá quá trình cải cách kinh tế. Một hiệp định được ký sẽ giúp nước đó tránh khỏi những tái phạm khi gặp phải vấn đề ép buộc kinh tế và chính trị. Các hiệp định đảm bảo với các nhà đầu tư nước ngoài rằng cải cách biểu hiện một cam kết tự do hoá lâu dài. Ví

dụ, khi Mexico đang gặp khủng hoảng đồng Peso vào năm 1994-1995, các cam kết của nước này trong Hiệp định NAFTA đã giữ cho thị trường nước này vẫn mở cửa cho các nhà xuất khẩu Mỹ. FTA cũng đảm bảo rằng các nhà xuất khẩu của nước đối tác sẽ có thể tiếp cận thị trường Mỹ mà không phải chịu thuế. Bằng việc ký kết FTA với Mỹ, các nước kém phát triển tỏ dấu hiệu cho các nước khác rằng họ đang rất lưu tâm tới áp lực cạnh tranh toàn cầu. Dấu hiệu này kết hợp với việc tiếp cận thị trường Mỹ có thể thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy phát triển nhanh hơn.

#### **4. Mở đường tiến tới các cuộc thương lượng lớn hơn**

*Thứ tư*, các FTA có thể trở thành mẫu cho các cuộc thương lượng lớn hơn. Khi các thành viên của WTO ngày càng nhiều và ngày càng đa dạng, để đạt được thống nhất giữa tất cả 146 nước thành viên ngày càng trở nên khó khăn. Các nhà thương thuyết có thể bị buộc phải xem xét những yếu tố chung nhỏ nhất giữa tất cả các thành viên. Việc đàm phán với chỉ một nước hoặc một nhóm nhỏ các nước có cùng quan điểm có thể cho phép tự do hoá trong các lĩnh vực ý nghĩa hơn như các quy định bảo vệ sức khỏe và vệ sinh (động vật và thực vật), rào cản kỹ thuật đối với thương mại, thương mại dịch vụ và đầu tư, thương mại điện tử, tạo điều kiện thuận lợi về hải quan, lao động và tiêu chuẩn môi trường, giải quyết tranh chấp, và tiếp cận thị trường đối với các lĩnh vực nhạy cảm về chính trị.

#### **5. Cạnh tranh nội bộ và hội nhập**

*Thứ năm*, các FTA có thể khuyến khích cải cách và củng cố nội bộ các

thành viên chính phủ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ủng hộ tự do hoá. Bằng việc khuyến khích hội nhập khu vực, các FTA đẩy mạnh củng cố sản xuất trong khu vực ký kết FTA, tăng hiệu quả kinh tế theo quy mô, và tạo ra một quy trình sản xuất thống nhất hơn. Việc củng cố có thể thấy rõ nhất ở các lĩnh vực được bảo hộ nặng nề như viễn thông, dịch vụ tài chính, và giao thông. Các ngành công nghiệp hiệu quả hơn và cơ sở hạ tầng có thể thu được lợi ích hàng năm nhờ tăng trưởng nhanh, đầu tư và nhu cầu nhập khẩu từ các đối tác ký kết FTA cũng như từ các nước khác.

Với tất cả các lý do đó, lịch trình đàm phán các FTA rất đáng để chính quyền Bush theo đuổi. Trong những điều kiện thích hợp, các FTA có thể đưa cạnh tranh vào nền kinh tế trong nước, giảm giá cho người tiêu dùng và các yếu tố sản xuất được sử dụng có hiệu quả hơn, trong khi đó lại tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các nhà xuất khẩu Mỹ. Hơn cả những lợi ích trước mắt đó, các FTA có thể tạo ra cạnh tranh nội khối tại các cuộc đàm phán đa phương, khuyến khích hội nhập trong các nước ký kết hiệp định và tự do hoá ở nước ngoài và mở đường để các lĩnh vực khó khăn có thể tiến tới đàm phán rộng hơn trong tương lai. Với tư cách là một công cụ trong chính sách đối ngoại, các FTA có thể thắt chặt liên kết với các nước đồng minh và khuyến khích các nước tiếp tục cải cách chính trị và kinh tế ■

*Người dịch:* Hồng Thu

#### **Chú thích:**

- (1) Daniel T. Griswold, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Thương mại tại Viện Cato. Bài đăng trên Trade Briefing Paper, CATO Institute, No.18, July 10, 2003.